TỔNG CTY CPXD ĐIỆN VN
CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO4

Số: 96 CV/CBTT- VNECO4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 15 tháng 03 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
về Báo cáo thường niên năm 2018

NGUYỄN THẾ HÙNG
Digitally signed by NGUYỄN THẾ HÙNG
Date: 2019.03.15 11:04:44 +07'00'

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
2. Mã chứng khoán: VE4
3. Trụ sở chính: Số 197, Nguyễn Trường Tộ, P Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An
4. Điện thoại: 02383. 531065 Fax: 02383.853433
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Thế Hùng**
6. Loại thông tin công bố: **Định kỳ**
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT

(*) Tài liệu đính kèm:
- BC thường niên 2018

Nơi nhận:
-Như trên,
- Văn thư

M.S.D.N: 2900574674 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
TP VINH-T.NGHỆ AN

Nguyễn Thế Hùng

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

VNECO4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Vinh, tháng 03 năm 2019

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2018

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 7 ngày 11 tháng 01 năm 2016
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: (0238) 353 1065
- Số fax: (0238) 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

- Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

- Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

❖ Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng, ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã và đang tham gia thi công xây lắp các công trình ĐZ 220 kV Đức Phổ- Quảng Ngãi - Tam Quan, ĐZ 220 kV Thủy điện Đakrong, ĐZ 220 kV Hà Đông – Phủ Lý, TBA 220 kV Đô Lương, ĐZ 110kV Hà Đông - Sơn Tây, ĐZ 220 kV Quỳnh Lưu – Diễn Châu - Cửa Lò – Hưng Đông, ĐZ 220 kV Vinh – Hà Tĩnh 1, ĐZ 220 kV Vinh – Hà Tĩnh 2 và nhiều công trình điện trọng điểm khác trên mọi miền đất nước.

❖ - Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng

và hiện nay vốn điều lệ là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm; sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

- Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Lắp đặt hệ thống điện;
+ Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
+ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
+ Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
+ Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
+ Gia công cơ khí;

- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

+ Tỉnh Quảng Ninh;
+ Tỉnh Hà Giang;
+ Cao Bằng
+ Tỉnh Sơn La;
+ Tỉnh Lai Châu;
+ TP.Hà Nội
+ Tỉnh Thái Bình;
+ Tỉnh Ninh Bình;
+ Nam Định;
+ Tỉnh Thanh Hóa;
+ Tỉnh Nghệ An;
+ Tỉnh Hà Tĩnh;
+ Đà Nẵng
+ Phú Yên;
+ Tỉnh Khánh Hòa;
+ Tỉnh Bình Thuận
+ Gia Lai
+ Đắc Lăk
+ ...v....v....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

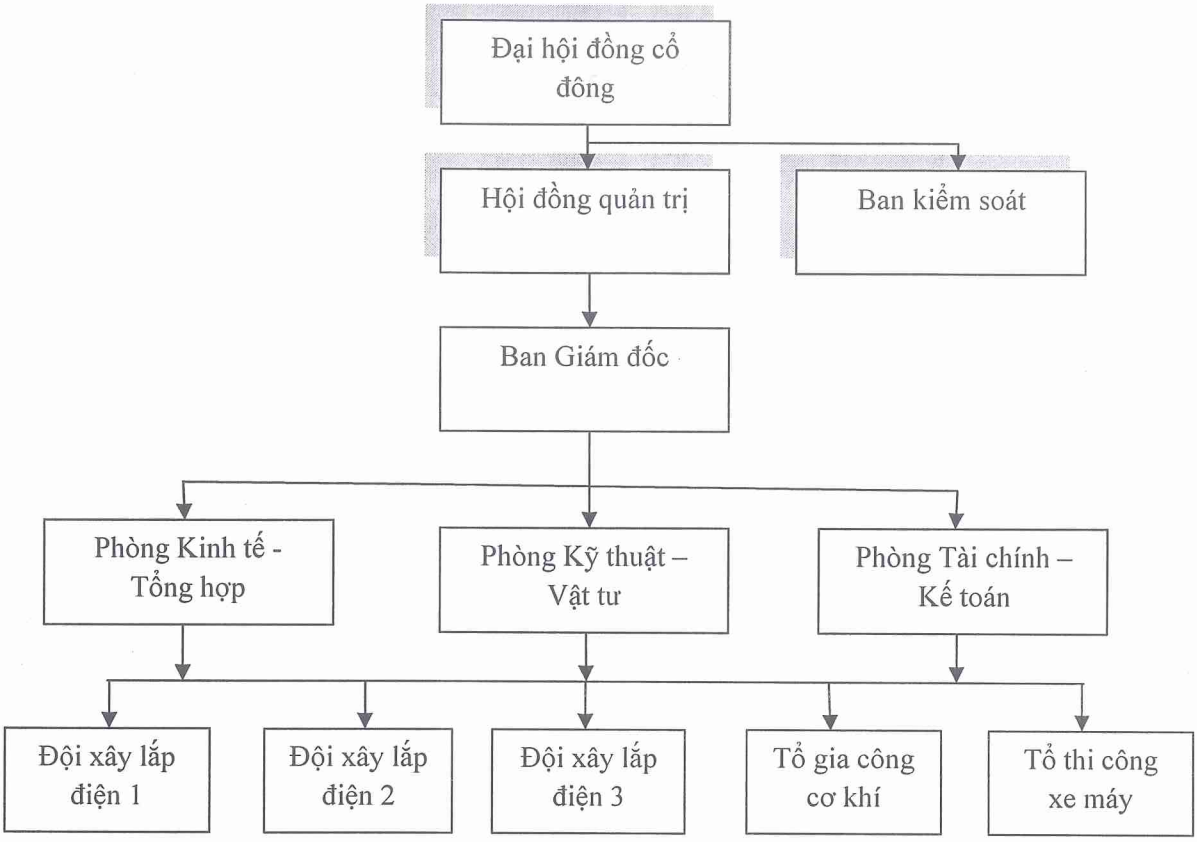

3.1-Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát…

3.2-Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Tam	Ủy viên

3.3-Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai

các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng - Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ân - Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Tạo - Phó Giám đốc

3.4-Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Bà Trần Thị Thu Lan - Trưởng Ban kiểm soát từ 18/05/2017
Ông Nguyễn Năng Đồng - Ủy viên
Bà Lê Thị Dung - Ủy viên

3.5-Các Phòng chức năng

* Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực:

+ Công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đấu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành;

+ Về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu, chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự ; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí ; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

* Phòng Kỹ thuật - Vật tư:

Phòng Kỹ thuật - Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

* Phòng Tài chính - Kế toán:

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

* Các đội xây lắp điện, xây dựng:

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

* Xưởng cơ khí:

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sữa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ , đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

* Tổ quản lý xe máy:

Là thành viên của Công ty chuyên chở dụng cụ thi công, phụ kiện, vật liệu theo yêu cầu kế hoạch và thực tế. Nhiệm vụ được Công ty giao nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ , đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Định hướng phát triển;

4.1- Mục tiêu chung của Công ty:

+ Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2018, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

4.2- Phương hướng thực hiện:

+ Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành.

5. Các rủi ro:

** Rủi ro về kinh tế :*

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất....sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

** Rủi ro từ biến động lãi suất*

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính

với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

** Rủi ro từ biến động tỷ giá*

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

** Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng :*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: (Số liệu đã được kiểm toán)

- Doanh thu thuần : 30.227.382.908 đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: 535.241.764 đồng, *(Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD -phụ lục Mẫu B 02-DN kèm theo)*

1.2-Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính:Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh thực hiện/KH năm (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. đ	51.259	30.765	60,02
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	1.854	535	28,86

2. Tổ chức và nhân sự của Công ty

Danh sách Ban Giám đốc:

2.1. Giám đốc: Ông Nguyễn Thế Hùng

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 27 tháng 9 năm 1967
Nơi sinh : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Số CMND : 181562590 cấp ngày 08/02/2006, tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
Địa chỉ thường trú : Số 36, Trần Quang Diệu, Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.
Điện thoại liên lạc : 0912435090/091 7681189 Email: thehungvneco2@yahoo.com.vn
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;
Quá trình công tác:
Từ 01/1990 – 11/1998; Cán bộ kế toán – Công ty Xây lắp điện Nghệ An;
Từ 12/1998 – 06/2003; phó phòng kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;
Từ 07/2003 - 12/2004; phó phòng phụ trách phòng Kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;
Từ 01/2005 - 12/2008; Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch BloocK Vinh;
Từ 01/2009 - 05/9//2010: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch BloocK Vinh;
Từ 10/2010 - 5/2013: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Block Vinh;
Từ 5/2013 - 11/8/2015: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch BlocK Vinh;
Từ 12/8/2015 - 05/01/2016; Thành viên HĐQT phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4
Từ 06/01/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4,
Tổng số cổ phần nắm giữ: 263.711 cổ phần (Chiếm 25.65% vốn điều lệ thực góp)
Trong đó
Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 9.500 cổ phần (Chiếm 0.92% vốn điều lệ thực góp)
Số cổ phần Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam uỷ quyền: 254.211 cổ phần (Chiếm 24.73% vốn điều lệ thực góp)

2.2. Phó giám đốc Công ty : Ông Nguyễn Ngọc Ân

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 30/12/1966
Nơi sinh : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Số CMND : 182 008780 cấp ngày 04/12/2006 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : 226 - Nguyễn Trường Tộ - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 0912132 098
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh;
Quá trình công tác :
Từ tháng 08/1986-06/1990: Công nhân kỹ thuật tại Cty xây lắp và đường dây trạm V
Tháng 07/1990- 02/2006: NV phòng KH - TV ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.
Từ tháng 03/2006-01/2007: NV phòng KH -Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.
Từ 03/2010-04/2015: Trưởng phòng KH - Thành viên HĐQT - Công ty CP XD điện VNECO4.
Từ tháng 05/2015-08/2016: Trưởng phòng KH KTVT - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.
Từ tháng 08/2016- 04/2017: Trưởng phòng KTKH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.
Từ 04/2017 đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.
Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH
Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)
Trong đó:
Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

2.3 Phó giám đốc Công ty: Ông Phạm Văn Tạo

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 04/12/1966
Nơi sinh : Nghi Đức - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Số CMND : 181 863600 cấp ngày 25/6/2014 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nghi Đức - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Nhà số 05, Phùng Chí Kiên - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 091 250 2678
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn:
Quá trình công tác :
Từ tháng 1985-1989 : Nhập ngũ vào quân đội.
Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Là Bộ đội thuộc binh chủng ra đa, quân chủng phòng không
Từ tháng 01/1989 đến tháng 1/2016: Là công nhân sau đó phụ trách phòng kỹ thuật - Vật tư Công ty CP XD điện VNECO2.
Từ tháng 3/2016- 4/2016: Phó giám đốc công ty CP XD điện VNECO11.
Từ tháng 5/2016-6/2016: Giám đốc công ty CP XD điện VNECO11.

Từ tháng 07/2016 đến 03/2017: Phó phòng kỹ thuật - Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO4. Từ tháng 04/2017 đến nay: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật vật tư Công ty
Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Trong đó:
Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Các thành viên quản lý khác:

2.4.-Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thế Tam

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 25-11-1961
Nơi sinh : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
Số CMND : 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 0383.853934/0912480398
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;
Quá trình công tác :
Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987: Nhập ngũ vào quân đội.
Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Sinh viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
Từ tháng 12/1991 đến tháng 3/2010: Công tác tại Công ty xây dựng thuỷ lợi 24 qua các chức vụ: cán bộ, Phó trưởng Phòng Tài chính-Kế toán, Kế toán trưởng.
Từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2010: Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24.
Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010: Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.
Từ tháng 07/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.
Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Trong đó:
Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Năm 2018 không có khoản đầu tư lớn nào.
b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a)Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng giảm % năm sau so với năm trước
1. Doanh thu thuần	30.227.382.908	45.368.822.756	-33,37

2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	727.348.288	(122.359.201)	694,44
3. Lợi nhuận khác	(76.348.371)	1.273.377.895	-106,00
4. Lợi nhuận trước thuế : (4=2+3)	650.999.917	1.151.018.694	-43,44
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	115.758.153	143.356.242	-19,25
6. Lợi nhuận sau thuế : (6=4-5)	535.241.764	1.007.662.452	-46,88
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	521	759	-34,54

b)Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,74	1,71	
- tài sản ngăn hạn – Hàng tồn kho / nợ ngắn hạn	1,49	1,63	
2-Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,46	0,47	
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,85	0,87	
3-Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho	12,72	23,45	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,57	1,08	
4-Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,02	0,02	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,06	0,04	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,03	0,02	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,00	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:

31/12/2018 - tổng số cổ phần : 1.028.000

Trong đó:

+ Cổ phần phổ thông: 1.028.000

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.028.000

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

- Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng (05/06/2018) để trả cổ tức 2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	*Số cổ phần nắm giữ*	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	**Trong nước**	**168**	**992.300**	**9.923.000.000**	**96,527**
a.	**Tổ chức**	**4**	**589.421**	**5.894.210.000**	**57,337**
*	*Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT*	*1*	*9*	*90.000*	*0,001*
*	*Công ty CP chứng khoán MB*	*1*	*10*	*100.000*	*0,001*
*	*Công ty CP Quản lý vốn Viwwtj Nhân*	*1*	*26.800*	*268.000.000*	*2,607*
*	*Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam*	*1*	*562.602*	*5.626.020.000*	*54,728*
b.	**Cá nhân**	**164**	**402.879**	**4.028.790.000**	**39,191**
*	*Trong Công ty*	*17*	*42.711*	*427.110.000*	*4,155*
*	*Ngoài Công ty*	*147*	*360.168*	*3.601.680.000*	*35,036*
2	**Nước ngoài**	**8**	**35.700**	**357.000.000**	**3,473**
a.	**Tổ chức**	**3**	**28.800**	**288.00.000**	**2,802**
*	America LLC	1	23.200	232.000.000	2,257
*	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	1	2.400	24.000.000	0,233
*	KT ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	1	3.200	32.000.000	0,311
b.	**Cá nhân**	**5**	**6.900**	**69.000.000**	**0,671**
*	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	1	800	8.000.000	0,078
*	KATO TAKANORI	1	100	1.000.000	0,010
*	OTSUKA HIROYUKI	1	5.400	54.000.000	0,525
*	PARK SOOHYUN	1	400	4.000.000	0,039
*	Yamazaki Atsushi	1	200	2.000.000	0,019

Tổng cộng	**176**	**1.028.000**	**10.280.000.000**	**100**

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập của CBCNV và người lao động, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Năm 2018 lợi nhuận sau thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan: một số công trình có vướng mắc về đền bù giải phóng mặt bằng, vật tư A cấp chưa kịp thời và không đồng bộ, đơn giá xây dựng thấp, đấu thầu trúng thầu các dự án nhỏ nằm rải rác trên cả nước làm chi phí chuyển quân lớn, trong quá trình thi công bị gián đoạn do phải chờ đợi cắt điện, ảnh hưởng của thời tiết.v...v....

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch năm	
TÀI SẢN	**2017**	**2018**	**2017**	**2018**	**Giá trị**	**%**
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**22.955**	**22.273**	**79,60**	**79,73**	**-682**	**-2,97**
I. Tiền	4.885	11.506	16,94	41,19	6.621	135,54
II. Các khoản đầu tư TCNH	950	491	3,29	1,76	-459	-48,32
III. Các khoản phải thu NH	13.665	9.155	47,39	32,77	-4.510	-33,00
IV. Hàng tồn kho	3.319	1.087	11,51	3,89	-2.232	-67,25
- Trong đó : Chi phí SXKD dở dang	*2.955*	*940*	*10,25*	*46,58*	*-2,015*	*-68,19*
V. Tài sản ngắn hạn khác	136	34	0,47	0,12	-102	-75,00
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**5.882**	**5.662**	**20,40**	**20,20**	**-220**	**-3,74**
I. Tài sản cố định	3.258	2.766	11,30	9,90	-492	-15,1
II. Bất động sản đầu tư		20			20	
III. Các khoản đầu tư TCDH	2.381	2.381	8,25	8,52	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	243	495	0,84	1,77	252	103,70
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**28.837**	**27.935**	**100**	**100**	**-902**	**-3,13**
NGUỒN VỐN	**2017**	**2018**	**2017**	**2018**	**Giá trị**	**%**

A. NỢ PHẢI TRẢ	**13.211**	**12.991**	**45,81**	**46,50**	**-220**	**-1,67**
I. Nợ ngắn hạn	13.211	12.991	45,81	46,50	-220	-1,67
II. Nợ dài hạn						
B. NGUỒN VỐN CSH	**15.626**	**14.944**	**54,19**	**53,5**	**-682**	**-4,36**
I. Vốn chủ sở hữu	15.626	14.944	54,19	53,5	-682	-4,36
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**28.837**	**27.935**	**100**	**100**	**-902**	**-3,13**

Thông qua bảng tính xác định tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể xem xét phân tích từng chỉ tiêu để xác định sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2018 giảm xuống 902 triệu đồng so với năm 2017, tức đã giảm xuống 3,13%. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2018 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 22.273 triệu đồng năm 2017 là 22.955 triệu đồng tức giảm xuống tương đương 2,97%. Vậy tài sản ngắn hạn năm 2018 của công ty giảm so với năm 2017 là 682 triệu đồng, do ảnh hưởng của các nguyên nhân sau:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2018 giảm 459 triệu đồng so với năm 2017 tương đương giảm 48,32 %. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2018 so với năm 2017 giảm 4.510 triệu đồng tương đương tỷ lệ giảm 33%, chi tiết ở đây là các khoản phải thu khách hàng. Qua đó cho thấy công tác thanh toán với các chủ đầu tư đã tốt. Công ty cần phải thực hiện tốt hơn nữa công tác thu hồi công nợ ở một số chủ đầu tư, giảm ứ đọng vốn để tăng vòng quay vốn phục vụ SXKD có hiệu quả hơn.

Hàng tồn kho bao gồm: công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong đó chi phí SXKD dở dang chiếm tỷ trọng lớn nhất và cho thấy: Năm 2018 chi phí SXKD dở dang giảm so với năm 2017 là 2.015 triệu đồng tương đương tỷ lệ giảm 68,19%. Qua đó cho thấy năm 2018 Công ty tích cực nghiệm thu khối lượng thực hiện.

Qua số liệu và phân tích tích trên cho thấy năm 2018 Công ty rất tích cực thu hồi công nợ, thực hiện nghiệm thu khối lượng kịp thời và thanh toán vốn tốt, từ đó tạo vòng quay vốn nhanh đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và chủ động công tác tài chính;

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Về cơ cấu tổ chức: căn cứ tình hình và yêu cầu SXKD, trong các năm qua đã thành lập các Ban chỉ đạo thi công các công trình điện như ĐZ 110 kV Hà Đông-Sơn Tây, TBA 220 kV Đô Lương, ĐZ 220 kV Nho Quan Thanh Hóa, ĐZ 110 kV Đức Phổ-Quảng Ngãi.v..v..để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, tổ chức, triển khai thi công các công trình xây dựng.

+ Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca ....

+Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động và nâng bậc lương cho CBCNV kịp thời.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2018	KH năm 2019	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. đ	30.765	48.500	157,65	
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	535	1.850	345,79	

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018 ngành xây dựng nói chung, xây dựng điện nói riêng còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

V- Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Huy *Trong đó: +CP được ủy quyền* *+ CP cá nhân*	Chủ tịch HĐQT	308.391 308.391 0	30,00 30,00 0	Không quản lý điều hành trực tiếp
2	Nguyễn Thế Hùng *Trong đó: +CP được ủy quyền* *+ CP cá nhân*	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	263.711 254.211 9.500	25,65 24,73 0,92	
3	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT	24.486	2,38	Không quản lý điều hành trực tiếp
4	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên, HĐQT	8.246	0,80	Không quản lý điều hành trực tiếp
5	Nguyễn Thế Tam	Thành viên, HĐQT	0	0	

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:Trong năm 2018 HĐQT có 04 cuộc họp.Cụ thể như sau:

+ Cuộc họp thứ nhất tiến hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2018
+ Cuộc họp thứ hai tiến hành vào ngày 03 tháng 04 năm 2018
+ Cuộc họp thứ ba tiến hành vào ngày 20 tháng 08 năm 2018
+ Cuộc họp thứ tư tiến hành vào ngày 07 tháng 11 năm 2018

b) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 03 thành viên độc lập không điều hành trực tiếp là ông Trần Văn Huy - Chủ tịch HĐQT, Ông Phan Huy Thành và Ông Nguyễn Văn Bốn. Năm qua, ông Trần Văn Huy đã thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a)Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Lan	Trưởng Ban	2.218	0,22	
2	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên	6.820	0,66	
3	Lê Thị Dung	Thành viên	0	0,00	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty; Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính.

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng và năm 2018, đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

*Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Ông Nguyễn Văn Bốn – bán 684 cổ phiếu (chiếm 0.067%)

- Bà Lê Thị Dung - bán 1.000 cổ phiếu (chiếm 0,097%)

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 05 tháng 6 năm 2018) để trả (thanh toán) cổ tức năm 2017 vào ngày 28/6/2018.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu (cp)	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT-kiêm Giám đốc Cty	9.500	0,92	
3	Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT	24.486	2,38	
4	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT-P.Giám đốc	8.246	0,80	
5	Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT	0	0	
6	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	6.820	0,66	
7	Lê Thị Dung	Thành viên BKS	0	0	
8	Trần Thị Thu Lan	Trưởng BKS	2.218	0,22	

VI- Báo cáo tài chính:

Số: 09/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành vên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2019, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 020601/2018BCKT-IFC ngày 06/02/2018

Nghệ An, ngày tháng 03 năm 2019

Xác nhận của đại diện theo pháp luật

của Công ty

Nơi nhận:
- *UBCKNN*
- *Sở GDCKHN*
- *Lưu HĐQT VNECO4*

M.S.D.N: 2900574674 C.T.C.P
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
TP. VINH-T. NGHỆ AN

Nguyễn Thế Hùng

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**22.272.559.959**	**22.955.420.553**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**11.505.919.085**	**4.885.372.393**
1. Tiền	111		4.758.263.946	381.669.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.747.655.139	4.503.702.778
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**4.2**	**490.772.240**	**949.937.780**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.950.812.606	1.950.812.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.460.040.366)	(1.000.874.826)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9.155.102.513**	**13.664.852.291**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.045.444.564	11.581.941.604
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	142.042.791	558.993.029
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.002.566.114	1.603.197.440
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(134.950.956)	(79.279.782)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.086.658.378**	**3.319.504.361**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.086.658.378	3.319.504.361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**34.107.743**	**135.753.728**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	34.107.743	135.469.144
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	284.584
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.662.069.942**	**5.882.043.025**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**2.765.986.203**	**3.258.210.938**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	2.765.986.203	3.258.210.938
Nguyên giá	222		10.624.952.023	10.510.952.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.858.965.820)	(7.252.741.085)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**20.341.710**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	20.341.710	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.380.952.381**	**2.380.952.381**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	2.380.952.381	2.380.952.381
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**494.789.648**	**242.879.706**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	494.789.648	242.879.706
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**27.934.629.901**	**28.837.463.578**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.990.763.144**	**13.210.836.553**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.990.763.144**	**13.210.836.553**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	2.234.741.417	3.555.265.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	3.313.050.269	1.837.263.503
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	418.776.451	531.466.957
4. Phải trả người lao động	314		3.014.452.609	3.606.259.043
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	179.074.301	200.186.760
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.127.473.922	1.314.874.145
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	-	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	1.282.839.467	754.927.082
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.420.354.708	1.410.593.860
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**14.943.866.757**	**15.626.627.025**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**4.18**	**14.943.866.757**	**15.626.627.025**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.884.739.853	3.845.867.448
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		243.885.140	205.012.735
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		535.241.764	1.295.746.842
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	288.084.390
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		535.241.764	1.007.662.452
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**27.934.629.901**	**28.837.463.578**

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Nguyễn Thế Hùng	**Nguyễn Thế Tam**	**Phùng Thị Thu**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	30.227.382.908	45.368.822.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.227.382.908	45.368.822.756
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.486.399.872	42.205.665.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.740.983.036	3.163.157.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	410.753.039	619.394.210
7. Chi phí tài chính	22	5.4	479.382.474	79.502.807
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*18.840.897*	*89.340.856*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.945.005.313	3.825.408.174
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		727.348.288	(122.359.201)
11 Thu nhập khác	31	5.6	127.731.912	1.545.652.866
12 Chi phí khác	32	5.7	204.080.283	272.274.971
13 Lợi nhuận khác	40		(76.348.371)	1.273.377.895
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		650.999.917	1.151.018.694
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	115.758.153	143.356.242
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		535.241.764	1.007.662.452
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	521	795
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	521	795

M.S.D.N: 2900574674 - C.T.C.P
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
TP VINH-T.NGHỆ AN

Nguyễn Thế Hùng	**Nguyễn Thế Tam**	**Phùng Thị Thu**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		35.693.095.459	61.262.540.667
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(19.654.667.079)	(30.716.754.105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.003.245.508)	(11.757.432.586)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(18.840.897)	(89.340.856)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(30.683.968)	(836.042.135)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.548.293.688	1.288.615.946
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.210.781.866)	(6.827.642.926)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**7.323.169.829**	**12.323.944.005**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(243.000.000)	(198.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	96.440.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(100.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	189.240.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		668.376.863	283.199.923
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**325.376.863**	**370.630.378**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.965.160.674	10.047.795.487
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(2.965.160.674)	(15.974.625.762)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.028.000.000)	(2.056.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(1.028.000.000)**	**(7.982.830.275)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**6.620.546.692**	**4.711.744.108**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.885.372.393	173.628.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**		**11.505.919.085**	**4.885.372.393**

M.S.D.N: 2900574674 - C.T.C.P
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
TP. VINH - T. NGHỆ AN

Nguyễn Thế Hùng	**Nguyễn Thế Tam**	**Phùng Thị Thu**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2019